

Bản án số: 51/2025/HNGD-ST

Ngày: 14 - 3 - 2025

“V/v: ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Lin

Bà Trần Thị Đồi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 157/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Trần Tuấn T, sinh năm 1978;

Bị đơn: bà Lê Thị C, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Tuấn T trình bày:

Ông Trần Tuấn T và bà Lê Thị C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2010. Cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, bà C hay ghen dùng lời lẽ xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của ông T, trước đây nhiều năm ông và bà C mâu thuẫn ông đã yêu cầu ly hôn nhưng Tòa án không đồng ý cho ly hôn nhưng tình cảm không thể hàn gắn và ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Hiện nay ông T và bà C còn sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc nhau mục đích hôn nhân không đạt được.

Về hôn nhân: ông Trần Tuấn T yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị C

Về con chung: ông T và bà C có 02 con chung là Trần Quốc T1, sinh năm 1997 thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Quốc T2, sinh ngày 21/12/2007. Khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của con chung, nếu con chung muốn sống với ai thì người đó nuôi, nếu con chung có nguyện vọng sống chung với ông T thì ông T không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/3/2025, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn là bà Lê Thị C trình bày và yêu cầu: bà C thống nhất trình bày của ông T về ngày tháng năm kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung và việc ông T và bà C không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nguyên nhân mâu thuẫn bà C cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn, bà C còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Trần Tuấn T.

Về con chung: trường hợp Tòa án cho bà C và ông T ly hôn bà C yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Trần Quốc T2, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông Trần Tuấn T khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Lê Thị C hiện đang cư trú tại: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Ông Trần Tuấn T và bà Lê Thị C chung sống có đăng ký kết hôn ngày 02/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của ông Trần Tuấn T thấy rằng: ông T và bà C phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân, bà C thừa nhận việc ông T không chung thủy, dẫn đến ông Trần Tuấn T và bà Lê Thị C không quan tâm chăm sóc nhau, bà C yêu cầu đoàn tụ nhưng yêu cầu của bà C không được ông T đồng ý. Thấy rằng, một trong hai bên hiện đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không còn thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà C

và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Tuấn T.

[4]. Về con chung: xét ông T và bà C có 02 con chung là Trần Quốc T1, sinh năm 1997 thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Quốc T2, sinh ngày 21/12/2007. Khi ly hôn con chung tên Tâm nguyện V sống chung với bà C. Do đó, để đảm bảo sự ổn định của con chung nên cần để bà C tiếp tục nuôi con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp với các Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét.

[5]. Xét về tài sản chung và nợ chung: ông T và bà C trình bày không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: ông Trần Tuấn T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tuấn T về việc “Ly hôn” đối với bà Lê Thị C.

Về hôn nhân: Ông Trần Tuấn T được ly hôn với bà Lê Thị C.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: con chung tên Trần Quốc T1, sinh năm 1997 đã thành niên, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Bà Lê Thị C được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trần Quốc T2, sinh ngày 21/12/2007 hiện đang sống chung với bà C (theo nguyện vọng của con chung), ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản chung: ông T và bà C trình bày không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: ông T và bà C thống nhất trình bày không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Tuấn T phải chịu 300.000 đồng tiền án Dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0010016 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa). Ông T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- CC. THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Nguyễn Thị Vụ